

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 883/QĐ – ĐHNH ngày 04 tháng 5 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM)

Tên chương trình: **TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI**

BUSINESS ENGLISH

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **NGÔN NGỮ ANH**

Mã số: **7220201**

Hình thức đào tạo: **CHÍNH QUY TẬP TRUNG**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh thương mại có đủ kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Anh, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp để làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu của xã hội. Sinh viên cũng có năng lực tự học và tự nghiên cứu ở bậc cao hơn.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Mục tiêu về kiến thức

- Có kiến thức khoa học xã hội cơ bản.
- Có kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài.
- Có kiến thức cơ bản và nâng cao về dịch thuật trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, và quản lý.

1.2.2 Mục tiêu về kỹ năng chuyên môn

- Có năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ trong các tình huống thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.
- Có năng lực tư duy hệ thống và làm việc nhóm để xử lý các vấn đề chuyên môn.
- Có năng lực nghiên cứu về ngôn ngữ, và văn hóa.

1.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trung thực, thể hiện tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao trong công việc.
- Có ý thức tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy tắc/chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.
- Có khả năng tự học và nghiên cứu để thích ứng với sự thay đổi của môi trường.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Chuẩn đầu ra	Nội dung Chuẩn đầu ra	Mức độ theo thang đo
PLO1	Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế	3
PLO2	Khả năng tư duy phản biện	3
PLO3	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế	3
PLO4	Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	3
PLO5	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	3
PLO6	Khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ, văn hóa một cách có hệ thống để phân tích và xử lý các vấn đề chuyên môn	4
PLO7	Khả năng vận dụng ngoại ngữ để giao tiếp, biên-phiên dịch trong lĩnh vực kinh tế, thương mại	4
PLO8	Khả năng nhận biết, nắm bắt và thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực kinh tế, thương mại	3

3. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các môn học

Chuẩn đầu ra		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
STT	Tên môn học								
Khối giáo dục đại cương									
Học phần bắt buộc khối giáo dục đại cương									
1	Triết học Mác Lênin	X	X	X					
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	X	X	X					

3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X					
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X	X					
6	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh			X	X	X			
7	Pháp luật đại cương	X	X			X			
8a	Tiếng Trung Quốc 1		X	X	X				
8b	Tiếng Nhật 1		X	X	X				
9a	Tiếng Trung Quốc 2		X	X	X				
9b	Tiếng Nhật 2		X	X	X				
10a	Tiếng Trung Quốc 3		X	X	X				
10b	Tiếng Nhật 3		X	X	X				
11a	Tiếng Trung Quốc 4		X	X	X				
11b	Tiếng Nhật 4		X	X	X				
Học phần tự chọn khối đại cương (chọn 1 trong 3)									
12a	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	X	X	X					
12b	Logic học	X		X		X			
12c	Tâm lý học	X		X		X			
Khối giáo dục chuyên nghiệp									
Học phần bắt buộc cơ sở ngành									
13	Dẫn luận ngôn ngữ học	X	X	X					
14	Phát âm			X	X			X	
15	Tiếng Anh- Nghe 1		X	X	X				
16	Tiếng Anh- Nghe 2		X	X	X				
17	Tiếng Anh- Nghe 3		X	X	X				
18	Tiếng Anh- Nói 1		X	X	X				
19	Tiếng Anh- Nói 2		X	X	X				
20	Tiếng Anh- Nói 3		X	X	X				
21	Tiếng Anh- Đọc 1		X	X	X				

22	Tiếng Anh- Đọc 2		X	X	X				
23	Tiếng Anh- Đọc 3		X	X	X				
24	Tiếng Anh- Viết 1		X	X	X				
25	Tiếng Anh- Viết 2		X	X	X				
26	Tiếng Anh- Viết 3		X	X	X				
27	Kỹ năng thuyết trình		X	X	X				
Học phần tự chọn cơ sở ngành (chọn 1 trong các học phần)									
28a	Tiếng Trung Quốc thương mại			X	X				X
28b	Ngữ pháp		X	X	X				
28c	Thực hành viết thư tín thương mại				X			X	X
Học phần bắt buộc ngành									
29	Tiếng Anh- Nghe nâng cao		X	X	X				
30	Tiếng Anh- Nói nâng cao		X	X	X				
31	Tiếng Anh- Đọc nâng cao		X	X	X				
32	Tiếng Anh- Viết nâng cao		X	X	X				
33	Ngữ âm- Âm vị học						X	X	X
34	Hình thái- Cú pháp học						X	X	X
35	Ngữ nghĩa học						X	X	X
36a	Văn hóa Anh		X				X	X	
36b	Văn hóa Mỹ		X				X	X	
37	Dẫn luận văn học Anh- Mỹ		X				X	X	
38	Lý thuyết dịch		X				X	X	
Học phần bắt buộc chuyên ngành									
39	Biên dịch thương mại Anh- Việt						X	X	X
40	Biên dịch thương mại Việt- Anh						X	X	X
41	Tiếng Anh kinh doanh 1				X			X	X

Học phần tự chọn ngành và chuyên ngành (chọn 1 học phần): 42									
42a	Phân tích diễn ngôn						X	X	X
42b	Ngôn ngữ học đối chiếu		X				X	X	
42c	Tiếng Anh chuyên ngành luật kinh doanh				X			X	X
42d	Tiếng Anh chuyên ngành quản lý nhân sự				X			X	X
42e	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing				X			X	X
Học phần tốt nghiệp									
43	Học phần thực tập cuối khóa			X	X	X	X	X	X
44	Học phần khóa luận tốt nghiệp		X		X	X	X	X	X
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp									
44a	Phiên dịch thương mại						X	X	X
44b	Tiếng Anh kinh doanh 2				X			X	X
44c	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh		X				X	X	

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm công việc biên phiên dịch trong các lĩnh vực phổ thông, thương mại, tài chính ngân hàng cần sử dụng tiếng Anh.

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm việc trong các tổ chức cần sử dụng tiếng Anh, các tổ chức cần sử dụng tiếng Anh, các tổng lãnh sự, cơ quan truyền thông, nhà xuất bản, công ty biên phiên dịch, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức thương mại, kinh doanh, tài chính ngân hàng.

- Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận công tác giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo khác nhau sau khi đã bổ sung kiến thức và kỹ năng sư phạm.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 125 tín chỉ. Học phần Giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng – an ninh (08 tín chỉ).

Các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập

của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Đối tượng tuyển sinh

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

8. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh

- Chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại Trường Đại học Thương Mại.
- Chuyên ngành tiếng Anh Thương Mại Trường Đại học Ngoại Ngữ- Đại học Đà Nẵng.
- Chuyên ngành tiếng Anh Thương Mại Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
- Ngành ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Quản Trị Học trường Đại Học Ngoại Ngữ Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
- Học phần BA program in Business English Trường Đại Học Assumption- Thái Lan.
- Chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại Trường Đại Học Thượng Hải- Trung Quốc.
- Học phần English with International Business BA Trường Đại Học Nottingham Cơ sở Ningbo- Trung Quốc.

9. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10 được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học tại Trường.

10. Kết cấu và nội dung chương trình

10.1. Kết cấu chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	12	29	23.2
2	Giáo dục chuyên nghiệp			
2.1	<i>Cơ sở ngành</i>	16	47	37.6
2.2	<i>Ngành</i>	10	25	20.0
2.3	<i>Chuyên ngành</i>	6	24	19.2
	Tổng cộng	44	125	100%

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Môn học (Học phần)	Nội dung cần đạt được của từng môn học (học phần)	Khối lượng kiến thức				Học kỳ phân bổ
			Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Khác	Cộng	
1. Kiến thức giáo dục đại cương							
Kiến thức bắt buộc							
	Học phần Giáo dục thể chất 1 Physical education 1	Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Điền kinh là một môn thể thao bao gồm các nội dung đi bộ, chạy, nhảy, ném đẩy và nhiều môn phối hợp; là một trong những môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao ở nước ta. Đồng thời, nó là môn học chủ yếu đối với sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và hệ thống các cấp học ở bậc Phổ thông. Nhằm trang bị và hình thành trên cơ sở khoa học chung về sự hình thành và phát triển các hoạt động cho người học, trong đó có tính tới các đặc điểm riêng (giới tính, lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ chuẩn bị về thể lực, đặc điểm tâm lý,); Trong quá trình giáo dục, giảng viên lập kế hoạch huấn luyện hướng tới sự phát triển kỹ năng, kỹ xảo vận động, các tổ chất thể lực và các phẩm chất đạo đức, phẩm chất ý chí theo hướng có chủ đích. Đồng thời, trang bị những kiến thức có liên quan đến môn học về phương pháp giúp người học có thể tự phòng tránh chấn thương; tự xây dựng kế hoạch tập luyện cho bản thân và có thể hướng dẫn cho người khác tập luyện; biết cách	1/12	11/12	0	1 (30 tiết thực hành)	Học kỳ 1

		vượt qua những khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống; rèn luyện cho người học ý thức, thái độ học tập đúng đắn, đảm bảo tính kỷ luật trong học tập và cuộc sống.					
	Học phần Giáo dục thể chất 2 <i>Physical education 2</i>	Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Thể dục thể thao (TDTT) là một trong những lĩnh vực khoa học gắn liền với đời sống con người. Tập luyện TDTT không những có thể làm cho con người tăng cường sức khỏe, phát triển cân đối toàn diện về trí tuệ, nhân cách, phẩm chất đạo đức, mà còn phát triển toàn diện các tố chất thể lực. Có sức khỏe để nâng cao năng suất lao động, trí sáng tạo và xã hội ngày càng phát triển. Ngoài ra, TDTT còn có ý nghĩa về mặt chính trị như thúc đẩy các mối quan hệ Quốc tế, kết nối cả dân tộc trên thế giới với nhau cùng sống trong hòa bình hữu nghị. Điền kinh là môn thể thao có nguồn gốc lịch sử rất lâu đời, nó ra đời cùng với sự phát triển của loài người. Điền kinh là môn thể thao phong phú, đa dạng gồm nhiều nội dung như: chạy, nhảy, ném, đẩy,...tập luyện. Điền kinh không đòi hỏi phức tạp về sân bãi, dụng cụ...nên nó trở thành môn thể thao được ưa chuộng, phổ biến rộng rãi trên thế giới. Và là một trong những môn học cơ bản và quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao ở nước ta. Đồng thời nó là môn học chủ yếu đối với sinh viên các trường Cao đẳng, Đại học chuyên và không chuyên. Do tính đa dạng và phức tạp của kỹ thuật các môn Điền kinh, nên việc hình thành các phương pháp giảng dạy thường được dựa trên đặc điểm	1/12	11/12	0	1 (30 tiết thực hành)	Học kỳ 2

		tự nhiên của con người, trong đó đặc điểm quan trọng là những quy luật hình thành khả năng phối hợp vận động và định hình động tác cho người học trong quá trình giảng dạy. Chỉ riêng nội dung chạy cũng có nhiều cự ly và kỹ thuật khác nhau.					
	Học phần Giáo dục thể chất 3 <i>Physical education 3</i>	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 1, bóng đá 1, Karate 1, quần vợt 1, bóng bàn 1, cầu lông 1.	2.5 tiết	27.5 tiết	0	30 tiết (1 tín chỉ thực hành)	
	Học phần Giáo dục thể chất 4 <i>Physical education 4</i>	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 2, bóng đá 2, Karate 2, quần vợt 2, bóng bàn 2, cầu lông 2.	1/12	11/12	0	1 (30 tiết thực hành)	Học kỳ 4
	Học phần Giáo dục thể chất 5 <i>Physical education 5</i>	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 3, bóng đá 3, Karate 3, quần vợt 3, bóng bàn 3, cầu lông 3.	1/12	11/12	0	1 (30 tiết thực hành)	Học kỳ 5
	Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>Military training</i>	Sinh viên nắm vững các kiến thức, kỹ năng về Đường lối quốc phòng và an ninh; Công tác quốc phòng và an ninh; Quân sự chung; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.				8	
1	Triết học Mác Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	Đây là môn học cơ bản, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Môn học góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp.	2	1	0	3	Học kỳ 3

2	Kinh tế chính trị Mác Lênin <i>Marxist-Leninist Political Economics</i>	Đây là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.	3/4	1/4	0	2	Học kỳ 4
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	Đây là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.	3/4	1/4	0	2	Học kỳ 5
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Thought</i>	Đây là môn học cơ bản, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.	1	1	0	2	Học kỳ 6
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Communist Party of Vietnam</i>	Đây là môn học cơ bản, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực	3/4	1/4	0	2	Học kỳ 7

		tiền công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.					
6	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh <i>Introduction to the English Major</i>	Môn học mang tính chất giới thiệu, cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan trường về Trường Đại học Ngân hàng, Khoa Ngoại ngữ và ngành học; trang bị những kỹ năng cần thiết để sinh viên làm quen, thích nghi và hòa nhập tốt với môi trường học tập ở bậc đại học. Môn học này còn giúp sinh viên hình thành kế hoạch phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp.	2			2	Học kỳ 1
7	Pháp luật đại cương <i>General law</i>	Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam. Nội dung chính đề cập các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhà nước và pháp luật, những khái niệm cơ bản nhất của pháp luật, và giới thiệu hệ thống pháp luật cùng một số ngành luật.	2			2	Học kỳ 2
Sinh viên chọn 1 trong 2 ngôn ngữ: tiếng Trung Quốc hoặc Tiếng Nhật							
8	Tiếng Trung Quốc 1 <i>Chinese 1</i>	Môn học gồm 15 bài, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, giảng viên hướng dẫn và giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm bao gồm các vấn đề có liên quan đến thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến âm, trọng âm, ngữ điệu, nắm vững các kiến thức ngữ pháp cơ bản, xác định bộ, phân tích kết cấu chữ Hán và quy tắc bút thuận. Sau học phần này, sinh viên tích lũy được khoảng 150 từ vựng thuộc cấp độ HSK1.	2	1		3	Học kỳ 3
	Tiếng Nhật 1 <i>Japanese 1</i>	Môn học cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp. Từ đó, sinh viên có thể sử dụng					

		tiếng Nhật sơ cấp, đạt mức Sơ cấp 1 trong khung năng lực JLPT- N5					
9	Tiếng Trung Quốc 2 <i>Chiness 2</i>	Môn học gồm 15 bài, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, giảng viên hướng dẫn và giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm, nắm vững các kiến thức ngữ pháp cơ bản, xác định bộ, phân tích kết cấu chữ Hán và quy tắc bút thuận. Sau học phần này, sinh viên tích lũy được khoảng 150 từ vựng thuộc cấp độ HSK2.	2	1		3	Học kỳ 4
	Tiếng Nhật 2 <i>Japaness 2</i>	Môn học cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp. Từ đó, sinh viên có thể nắm được 71 chữ Hán sơ cấp đạt mức Sơ cấp 2 trong khung năng lực JLPT- N5.					
10	Tiếng Trung Quốc 3 <i>Chiness 3</i>	Tiếng Trung Quốc 3 là môn học tổng quát, rèn luyện cho sinh viên 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết. Tiếng Trung Quốc 3 có 10 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, chú thích về văn hóa và cách sử dụng từ vựng, bài tập và bài đọc thêm. Mỗi bài học đều cung cấp cho sinh viên những điểm ngữ pháp mới, quan trọng và một lượng từ vựng phong phú. Các hình thức luyện tập đa dạng, giúp sinh viên củng cố lại kiến thức, vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp theo các tình huống học đường được thiết kế. Sau học phần này, sinh viên tích lũy được khoảng 150 từ vựng thuộc cấp độ HSK3.	2	1		3	Học kỳ 5
	Tiếng Nhật 3 <i>Japaness 3</i>	Môn học cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp. Từ đó, sinh viên có thể nắm được 72 chữ Hán sơ cấp đạt mức sơ trung cấp 1 trong khung năng lực JLPT- N4					

11	Tiếng Trung Quốc 4 <i>Chiness 4</i>	Tiếng Trung Quốc 4 là môn học tổng quát, rèn luyện cho sinh viên 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết. Tiếng Trung Quốc 4 có 10 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, chú thích về văn hóa và cách sử dụng từ vựng, bài tập và bài đọc thêm. Mỗi bài học đều cung cấp cho sinh viên những điểm ngữ pháp mới, quan trọng và một lượng từ vựng phong phú. Các hình thức luyện tập đa dạng, giúp sinh viên củng cố lại kiến thức, vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp theo các tình huống học đường được thiết kế. Sau học phần này, sinh viên đạt cấp độ HSK3.	2	1		3	Học kỳ 6
	Tiếng Nhật 4 <i>Japaness 4</i>	Môn học cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp. Từ đó, sinh viên có thể nắm được 77 chữ Hán sơ cấp đạt mức sơ trung cấp 2 trong khung năng lực JLPT- N4.					
Kiến thức tự chọn: Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)							
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	Môn học cung cấp những kiến thức về đại cương văn hóa, những nền tảng, cơ sở của VHVN. Rèn luyện các kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình cho sinh viên. Bồi dưỡng tình cảm thái độ trân trọng, tự hào về những giá trị văn hóa, lịch sử dân tộc VN và tích cực giữ gìn phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc.	2			2	Học kỳ 2
	Logic học <i>Logics</i>	Môn học gồm 6 chương, những quy luật cơ bản của tư duy; khái niệm; phán đoán, suy luận; chứng minh, bác bỏ ngụy biện và những bài tập ứng dụng nhằm cung cấp một số kiến thức logic căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng					

		ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện những đúng sai, tráo trở, nguy hiểm trong lập luận của người khác.					
	Tâm lý học <i>Psychology</i>	Là môn khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về bản chất tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; phân tích các thành phần trong hoạt động nhận thức của con người, nghiên cứu các yếu tố trong đời sống tình cảm, ý chí và các thành tố tạo nên nhân cách cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.	3/4	1/4		2	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
2.1. Kiến thức cơ sở ngành							
Kiến thức bắt buộc							
13	Dẫn luận ngôn ngữ học <i>Introduction to linguistics</i>	Môn học trang bị cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu về ngoại ngữ và sử dụng ngôn ngữ có hiệu quả hơn trong học tập và thực tiễn công việc. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên nắm được tri thức cơ bản về bản chất, chức năng bản thể và nguồn gốc của ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy... cũng như kiến thức nền về ngữ âm, từ vựng ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng và văn tự của ngôn ngữ.	2			2	Học kỳ 2
14	Phát âm <i>Pronunciation</i>	Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm bao gồm các vấn đề có liên quan đến âm tiết, trọng âm, ngữ điệu..., góp phần cải thiện kỹ năng nghe và nói trong thực tiễn giao tiếp. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên nắm được các ký hiệu phiên âm, hỗ trợ cho việc sử dụng tự điển trong quá trình tự học và rèn luyện.	1	2		3	Học kỳ 2

15	Tiếng Anh- Nghe 1 <i>Listening 1</i>	Đây là môn học nhằm hướng dẫn và phát triển một trong bốn kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe, nói, đọc, viết. Học phần cung cấp phương pháp nghe và bài tập luyện kỹ năng nghe có độ dài tương đối ngắn, nội dung đơn giản, thể loại đa dạng nhằm giúp cho sinh viên tiếp cận hoạt động nghe-hiểu ở nhiều tình huống khác nhau ở cấp độ cuối A2 đầu B1.	1	2		3	Học kỳ 1
16	Tiếng Anh- Nghe 2 <i>Listening 2</i>	Đây là học phần thứ hai trong bốn học phần rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe cho sinh viên trong chương trình đào tạo. Học phần tiếp tục cung cấp phương pháp nghe và bài tập luyện kỹ năng nghe ở cấp B1 theo chuẩn CEFR.	1	2		3	Học kỳ 2
17	Tiếng Anh- Nghe 3 <i>Listening 3</i>	Đây là học phần thứ ba trong bốn học phần rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe cho sinh viên trong chương trình đào tạo. Học phần tiếp tục cung cấp phương pháp nghe và bài tập luyện kỹ năng nghe ở cấp độ B2 theo chuẩn CEFR. Khi nghe, sinh viên có thể dự đoán tình huống, kết quả và suy luận một cách logic nội dung nghe.	1	2		3	Học kỳ 3
18	Tiếng Anh- Nói 1 <i>Speaking 1</i>	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng đơn giản trong môi trường giao tiếp kinh doanh. Môn học hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng các kỹ năng tiếng Anh ở mức độ cuối A2 đầu B1 theo chuẩn CEFR – tự giới thiệu bản thân, cho ý kiến cá nhân về các chủ đề đơn giản, vận dụng các mẫu câu cho sẵn vào các mẫu đối thoại rất ngắn và đơn giản.	1	2		3	Học kỳ 1
19	Tiếng Anh- Nói 2 <i>Speaking 2</i>	Môn học được thiết kế nhằm tiếp tục giúp sinh viên phát triển kỹ năng nói cấp độ B1 theo chuẩn CEFR với việc tạo điều kiện cho sinh viên luyện tập kỹ nói - diễn đạt ý kiến cá nhân về các chủ đề	1	2		3	Học kỳ 2

		trong công việc, tổng hợp và báo cáo thông tin thu thập được, làm quen với hình thức nhóm nhỏ. Môn học cung cấp cho sinh viên bài tập luyện nói với độ dài và độ khó trung bình, lượng từ vựng từ trung cấp đến trung cao cấp.					
20	Tiếng Anh- Nói 3 <i>Speaking 3</i>	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng ở trình độ B2 theo chuẩn CEFR trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính ngân hàng. Môn học giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng nói – diễn đạt quan điểm về các mối quan hệ, vận dụng ngôn ngữ vào các bài thuyết trình, thương thảo, hay hội nghị, thảo luận theo nhóm và giải quyết các mâu thuẫn theo chủ đề. Môn học còn tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen tự tư duy và sử dụng cấu trúc đúng trong các tình huống có thật trong cuộc sống.	1	2		3	Học kỳ 3
21	Tiếng Anh- Đọc 1 <i>Reading 1</i>	Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc-hiểu các bài đọc ngắn bằng tiếng Anh ở trình độ cuối A2 đầu B1 theo CEFR, đề cập đến những vấn đề tổng thể trong kinh doanh, thương mại, tâm lý, công nghệ, khoa học, môi trường, và sức khỏe cộng đồng. Sinh viên được hướng dẫn, thực hành 2 kỹ năng đọc - hiểu: kỹ năng nắm được các ý chính, ý chủ đạo của các bài đọc; kỹ năng nắm bắt các thông tin chi tiết liên quan đến bài đọc. Môn học góp phần cải thiện vốn từ vựng, kỹ năng đọc-hiểu, cung cấp thông tin góp phần cải thiện các kỹ năng nghe – nói - viết trong thực tiễn giao tiếp.	1	2		3	Học kỳ 1
22	Tiếng Anh- Đọc 2 <i>Reading 2</i>	Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc - hiểu các bài đọc bằng tiếng Anh ở	1	2		3	Học kỳ 2

		cấp độ B1 theo CEFR đề cập đến những vấn đề trong xã hội, môi trường, tâm lý, công nghệ, sức khỏe, kinh doanh, và giáo dục. Sinh viên được hướng dẫn, thực hành các kỹ năng đọc - hiểu: kỹ năng nắm được các ý chính, ý chủ đạo của các bài đọc; kỹ năng nắm bắt các thông tin chi tiết liên quan đến bài đọc, đọc hiểu các bảng biểu, ghi chú, phân biệt sự kiện và ý kiến trong bài đọc. Môn học góp phần cải thiện vốn từ vựng, kỹ năng đọc - hiểu, cung cấp thông tin góp phần cải thiện các kỹ năng nghe – nói - viết trong thực tiễn giao tiếp.					
23	Tiếng Anh- Đọc 3 <i>Reading 3</i>	Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc - hiểu các bài đọc bằng tiếng Anh ở trình độ trên trung cấp (B2) đề cập đến những vấn đề trong xã hội, khoa học hành vi, tâm lý, công nghệ, giáo dục, địa chất, và kỹ thuật. Sinh viên đã có thể đọc - hiểu tương đối tốt các bài báo, bài nghiên cứu dài. Các em có thể nắm được các ý chính, ý chủ đạo của các bài đọc; kỹ năng nắm bắt các thông tin chi tiết liên quan đến bài đọc. Môn học góp phần nâng cao vốn từ vựng, kỹ năng đọc-hiểu, cung cấp thông tin góp phần củng cố các kỹ năng nghe – nói - viết trong thực tiễn giao tiếp.	1	2		3	Học kỳ 3
24	Tiếng Anh- Viết 1 <i>Writing 1</i>	Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng viết câu bằng tiếng Anh với đầy đủ ý nghĩa và chính xác về mặt ngữ pháp cấp độ B1. Sinh viên được hướng dẫn cụ thể các thành phần cơ bản tạo thành một câu và cách thức sắp xếp ý trong một câu sao cho chặt chẽ, hợp lý. Qua đó, khả năng viết câu được cải thiện và phát triển nhằm giúp sinh viên có	1	2		3	Học kỳ 1

		nền tảng viết câu vững chắc cho các học phần Viết tiếp theo.					
25	Tiếng Anh-Viết 2 <i>Writing 2</i>	Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng viết một đoạn văn học thuật khoảng 120-150 từ bằng tiếng Anh cấp độ B2 thông qua những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống. Sinh viên được hướng dẫn cụ thể quy trình viết một đoạn văn, các yếu tố cần thiết của một đoạn văn cũng như cách thức phát triển ý đoạn văn đó sao cho chặt chẽ, hợp lý và có tính thuyết phục nhằm tạo nền tảng vững chắc cho các học phần Viết tiếp theo.	1	2		3	Học kỳ 2
26	Tiếng Anh-Viết 3 <i>Writing 3</i>	Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng viết một bài luận cấp độ C1. Sinh viên sẽ được hướng dẫn chi tiết cấu trúc một bài luận, cách tạo dàn ý và cách viết các đoạn mở bài, thân bài, và kết luận. Sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng phát triển ý trong mỗi đoạn sao cho ý diễn đạt chặt chẽ, hợp lý và có tính thuyết phục. Sinh viên được tạo điều kiện để có thể thực hành viết các bài luận thuộc nhiều thể loại khác nhau như phân tích quy trình, so sánh, nêu nguyên nhân- kết quả ở những chủ đề quen thuộc.	1	2		3	Học kỳ 4
27	Kỹ năng thuyết trình <i>Presentation skills</i>	Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng thuyết trình trong các buổi họp, các hội nghị, hội thảo trong lĩnh vực thương mại. Sinh viên được trang bị các nguyên tắc trong thuyết trình: tính thời gian, phân tích khán giả, chuẩn bị nội dung phù hợp, cấu trúc cần thiết để chuyển tiếp từ phần này sang phần khác, kỹ năng xử lý câu hỏi của khán giả.	1	2		3	Học kỳ 3

Kiến thức tự chọn: Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau							
28	Tiếng Trung Quốc thương mại <i>Business Chinese</i>	Tích lũy được một lượng từ vựng Tiếng Trung Quốc thương mại BCT cấp độ A, có thể vận dụng Tiếng Trung Quốc trong công việc cơ bản.	1	2		3	Học kỳ 6
	Thực hành viết thư tín thương mại <i>Business correspondence</i>	Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng viết cần thiết trong lĩnh vực thương mại: kỹ thuật viết thư từ giao dịch thương mại thuộc nhiều thể loại khác nhau như thư, email, báo cáo, thông báo, đơn từ, v.v. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên cách xử lý các văn bản giao dịch thương mại thông thường.					
	Ngữ pháp <i>Grammar</i>	Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên củng cố một số điểm ngữ pháp thường gặp trong giao dịch thương mại. Sinh viên được mở rộng kiến thức về ngữ pháp và những chức năng ngôn ngữ, từ đó sinh viên sẽ đạt độ chính xác cao khi sử dụng ngôn ngữ một cách phù hợp trong các tình huống giao tiếp và làm quen với tiếng Anh thương mại.					
2.2. Kiến thức ngành							
Kiến thức bắt buộc							
29	Tiếng Anh- Nghe nâng cao <i>Advanced listening</i>	Môn học hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng nghe hiểu các bài nghe tiếng Anh với các chủ đề đa dạng ở cấp độ tương đương C1 theo chuẩn CEFR. Khi nghe, sinh viên có thể lĩnh hội đầy đủ nội dung và suy luận chính xác hàm ý của các bài hội thoại.	1	1		2	Học kỳ 4
30	Tiếng Anh- Nói nâng cao <i>Advanced speaking</i>	Môn học hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng nói thông qua các tình huống đa dạng tương đương cấp độ C1 theo chuẩn CEFR. Sinh viên luyện tập các hoạt động tranh luận và bảo vệ quan điểm cá nhân, xử lý tình	1	1		2	Học kỳ 4

		huống phát sinh trong giao tiếp, phản biện ý kiến, đánh giá... Môn học cũng tiếp tục trang bị kiến thức ngôn ngữ và phát triển từ vựng nhằm nâng cao kỹ năng nói cho sinh viên.					
31	Tiếng Anh- Đọc nâng cao <i>Advanced reading</i>	Môn học hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu các bài đọc tiếng Anh với các chủ đề đa dạng ở cấp độ tương đương C1 theo chuẩn CEFR. Sinh viên có thể đọc hiểu nhanh các bài báo; tìm nhanh được các ý chính, và nắm bắt tốt các thông tin chi tiết liên quan đến bài đọc. Môn học cũng tiếp tục trang bị thêm kiến thức ngôn ngữ và phát triển từ vựng nhằm nâng cao hiệu quả đọc hiểu cho sinh viên.	1	1		2	Học kỳ 4
32	Tiếng Anh- Viết nâng cao <i>Advanced writing</i>	Môn học trang bị cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh kiến thức về các bước thực hiện và trình bày một bài nghiên cứu khoa học khoảng 3000 từ: chọn đề tài và giới hạn đề tài; tìm và thu thập tài liệu; viết đề cương nghiên cứu; đọc và ghi chép tài liệu; trình bày nội dung và dẫn chứng tài liệu; trình bày phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu.	2	2		4	Học kỳ 5
33	Ngữ âm – Âm vị học <i>Phonetics – Phonology</i>	Môn học này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh kiến thức cơ bản về hệ thống âm của tiếng Anh và cách sử dụng chúng. Các chủ đề của môn học này có liên quan đến một số môn lý thuyết tiếng khác. Môn học này cũng sẽ giúp sinh viên hiểu thêm về cách phát âm đúng không chỉ ở cấp độ âm tiết riêng lẻ mà còn ở các cấp độ phức tạp hơn như trọng âm, ngữ điệu, v.v...	2			2	Học kỳ 4
34	Hình thái- Cú pháp học	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về hình thái học và cú pháp học tiếng Anh, hai yếu tố căn bản tạo nên ngữ pháp của	3			3	Học kỳ 5

	<i>Morphology – Syntax</i>	một ngôn ngữ. Kiến thức về hình thái học giúp người học hiểu về cấu trúc từ và các đơn vị ý nghĩa khác của từ. Cú pháp học bao gồm kiến thức về cấu trúc câu gồm cách thức từ tạo thành cụm từ, cụm từ tạo thành mệnh đề và câu, cách thức mệnh đề kết hợp tạo thành câu.					
35	Ngữ nghĩa học <i>Semantics</i>	Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về Ngữ nghĩa học bao gồm kiến thức về nghĩa, mối quan hệ về nghĩa, phương pháp phân tích các thành tố nghĩa, giải thích các hiện tượng về nghĩa (đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm,...) và logic. Từ đó, sinh viên biết sử dụng ngôn ngữ hiệu quả với độ tường minh, chính xác và logic cao.	2			2	Học kỳ 6
36	Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau:						
	Văn hóa Anh <i>British Culture</i>	Môn học cung cấp kiến thức về đặc trưng và sự hình thành nét đặc trưng văn hóa của người Anh. Giải thích được các vấn đề, hiện tượng xã hội ở Anh trong mối quan hệ với những nền tảng văn hóa cơ bản.	2	1		3	Học kỳ 5
	Văn hóa Mỹ <i>American Culture</i>	Có kiến thức về đặc trưng và sự hình thành nét đặc trưng văn hóa của người Mỹ. Giải thích được các vấn đề, hiện tượng xã hội ở Mỹ trong mối quan hệ với những nền tảng văn hóa cơ bản.					
37	Dẫn luận văn học Anh - Mỹ <i>Introduction to British and American literature</i>	Môn học giới thiệu nền văn học tiếng Anh qua các giai đoạn chính như: văn học Anh tiền Trung Cổ (Old English Literature), văn học Anh thời Trung Cổ (Medieval Literature) v.v. cho đến văn học thế kỷ 20, trong đó bao gồm cả dòng văn học Mỹ. Trong đó, qua một số thời kỳ nổi bật, sinh viên sẽ được giới thiệu những nét chính về bối cảnh xã hội, đặc điểm văn học với một số trào lưu văn học nổi bật	2	1		3	Học kỳ 7

		và các tác giả cùng các tác phẩm tiêu biểu.					
38	Lý thuyết dịch <i>Theory of translation</i>	Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch, bao gồm các thuật ngữ dịch thuật thông dụng và một số phương pháp, kỹ thuật biên dịch căn bản... làm tiền đề để thực hành dịch ở các học phần tiếp theo. Ngoài ra, sinh viên tiếp nhận một hình ảnh tổng quan về những đặc trưng của tiếng Anh, với tư cách là ngôn ngữ nguồn, trong tương quan với tiếng Việt, với tư cách là ngôn ngữ đích..	2			2	Học kỳ 4
2.3. Kiến thức chuyên ngành							
Kiến thức bắt buộc							
39	Biên dịch thương mại Anh – Việt <i>English-Vietnamese Business Translation</i>	Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên vận dụng các nguyên tắc và kỹ thuật biên dịch đã học ở học phần trước. Sinh viên được cung cấp các bài tập thực hành về các bản dịch Anh - Việt và được yêu cầu xác định những lỗi khiếm khuyết trên bản dịch đó dựa vào kiến thức đã học. Từ đó, sinh viên thực hành chuyển ngữ hiệu quả một số văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt, nhất là các văn bản thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, thương mại.	1	2		3	Học kỳ 5
40	Biên dịch thương mại Việt – Anh <i>Vietnamese-English Business Translation</i>	Đây là Môn học tiếp nối của môn Thực hành biên dịch thương mại Anh - Việt nhằm tiếp tục hoàn thiện kỹ năng dịch văn bản viết cho sinh viên, cụ thể là khả năng tìm được những mẫu câu và nét nghĩa tiếng Anh tương thích cho các văn bản kinh tế, thương mại bằng tiếng Việt. Qua các bài tập luyện dịch, một vài khó khăn đặc trưng của công tác chuyển ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Anh sẽ được phân tích.	1	2		3	Học kỳ 6
41	Tiếng Anh kinh doanh 1	Đây là môn học cung cấp cơ hội cho sinh viên sử dụng tiếng Anh để thảo luận về môi trường kinh	1	2		3	Học kỳ 6

	<i>Business English 1</i>	doanh, sự bất ổn trong kinh doanh, khen thưởng kết quả công việc của nhân viên, văn hóa tổ chức và quản trị sự thay đổi.					
42	Học phần Thực tập cuối khóa <i>Internship</i>	Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong một chương trình đào tạo. Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, kinh doanh, thương mại tại các tổ chức tài chính hoặc phi tài chính. Thông qua học phần này, sinh viên ứng dụng kiến thức đã được học vào công việc, nhiệm vụ cụ thể để hiểu rõ hơn lý thuyết. Ngoài ra, sinh viên cũng có cơ hội bổ sung kiến thức, và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết tại môi trường làm việc thực tế.		3		3	Học kỳ 8
43	Học phần Khóa luận tốt nghiệp <i>Research paper</i>	Sinh viên năm cuối đủ điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp có thể đăng ký thực hiện một đề tài thuộc ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Song ngữ Anh – Trung, dưới sự hướng dẫn của một giảng viên có kinh nghiệm do khoa chỉ định. Sinh viên phải tuân thủ các yêu cầu và quy trình thực hiện một khóa luận tốt nghiệp, từ việc chọn đề tài, thiết kế đề cương, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, cũng như trình bày và bảo vệ đề tài trước hội đồng. Qua học phần, sinh viên sẽ rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng tìm kiếm, thu thập và chọn lọc tài liệu cũng như kỹ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phê phán.		9		9	Học kỳ 8
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp							
	Phiên dịch thương mại	Môn học cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng quan về ngành phiên dịch (dịch nói), bao gồm các	1	2		3	Học kỳ 8

	<i>Business Interpreta-tion</i>	loại hình phiên dịch phổ biến cùng những nguyên tắc và kỹ thuật phiên dịch căn bản. Sinh viên bước đầu luyện tập các kỹ năng phiên dịch cần thiết trên nền ngữ liệu là các tình huống giao dịch đàm phán thương mại hoặc các bản tin kinh tế (Anh-Việt; Việt-Anh). Ngoài ra, môn học còn chú trọng rèn luyện kỹ năng nghe hiểu cũng như xây dựng cho sinh viên vốn kiến thức chuyên ngành ngày một sâu rộng hơn.					
	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh <i>Cross- cultural Communica-tions in Business</i>	Môn học cung cấp kiến thức về các nền văn hóa khác và tầm ảnh hưởng của chúng trong giao tiếp. Có khả năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường giao tiếp đa văn hóa.	1	2		3	Học kỳ 8
	Tiếng Anh kinh doanh 2 <i>Business English 2</i>	Môn học cung cấp lượng từ vựng, khái niệm và có kỹ năng vận dụng vào các tình huống trong lĩnh kinh tế kinh doanh cụ thể: quản trị dự án, marketing điện tử, xây dựng thương hiệu, kế toán, kinh tế vi mô, CSR, hoạch định chiến lược.	1	2		3	Học kỳ 8
Kiến thức tự chọn: sinh viên chọn 1 học phần trong số các học phần sau							
44	Ngôn ngữ học đối chiếu <i>Contrastive linguistics</i>	Môn học cung cấp khái niệm cơ bản về Ngôn ngữ học đối chiếu. Đối chiếu được ngữ vựng Việt và Anh để hỗ trợ công việc biên phiên dịch.	1	2		3	Học kỳ 7
	Phân tích diễn ngôn <i>Discourse analysis</i>	Môn học cung cấp kiến thức tổng quát về diễn ngôn, các bộ phận bên trong diễn ngôn, rèn luyện kỹ năng phân tích diễn ngôn. Qua đó, sinh viên phát triển tư duy ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ chính xác trong học tập và nghiên cứu.					
	Tiếng Anh chuyên ngành luật kinh doanh	Môn học giúp sinh viên tích lũy từ vựng, thuật ngữ, khái niệm và các tình huống giả định để thực hành	1	2		3	Học kỳ 7

<i>English for business law</i>	tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực luật kinh doanh. Sinh viên có cơ hội đọc các bài đọc có nội dung về các đạo luật, nguyên tắc, quy định có hiệu lực trong kinh doanh.					
Tiếng Anh chuyên ngành quản lý nhân sự <i>English for Human Resources Management</i>	Môn học cung cấp kiến thức, từ vựng và các tình huống (kỹ năng phỏng vấn, đào tạo nhân sự, quy trình tuyển dụng...) để thực hành về vấn đề quản lý nhân sự					
Tiếng Anh chuyên ngành Marketing <i>English for Marketing</i>	Môn học cung cấp kiến thức, từ vựng và các tình huống liên quan các chủ đề trong lĩnh vực Marketing để áp dụng vào bài tập thực hành.					

11. Kế hoạch đào tạo

11.1. Học kỳ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ELI308	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	2	Không	BB	Tiếng Việt
2	ENS301	Tiếng Anh- Nghe 1	3	Không	BB	Tiếng Anh
3	ENS302	Tiếng Anh- Nói 1	3	Không	BB	Tiếng Anh
4	ENS303	Tiếng Anh- Đọc 1	3	Không	BB	Tiếng Anh
5	ENS304	Tiếng Anh- Viết 1	3	Không	BB	Tiếng Anh

11.2. Học kỳ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ELI302	Phát âm	3	Không	BB	Tiếng Anh

2	ENS305	Tiếng Anh- Nghe 2	3	Tiếng Anh- Nghe 1/	BB	Tiếng Anh
3	ENS306	Tiếng Anh- Nói 2	3	Tiếng Anh- Nói 1/	BB	Tiếng Anh
4	ENS307	Tiếng Anh- Đọc 2	3	Tiếng Anh- Đọc 1/	BB	Tiếng Anh
5	ENS308	Tiếng Anh- Viết 2	3	Tiếng Anh- Viết 1	BB	Tiếng Anh
6	ELI307	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	Không	BB	Tiếng Việt
7	LAW349	Pháp luật đại cương	2	Không	BB	Tiếng Việt
8		Học phần tự chọn đại cương	2	Không	TC	Tiếng Việt

11.3. Học kỳ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ENS309	Tiếng Anh- Nghe 3	3	Tiếng Anh- Nghe 2/	BB	Tiếng Anh
2	ENS310	Tiếng Anh- Nói 3	3	Tiếng Anh- Nói 2	BB	Tiếng Anh
3	ENS311	Tiếng Anh- Đọc 3	3	Tiếng Anh- Đọc 2	BB	Tiếng Anh
4	ENS347	Kỹ năng thuyết trình	3	Tiếng Anh- Nghe 2 Tiếng Anh- Nói 2	BB	Tiếng Anh
5	CNL306 / JPL301	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 1 Tiếng Nhật 1	3	Không	BB	Tiếng Trung quốc/ Tiếng Nhật
6	MLM306	Triết học Mác Lênin	3	Không	BB	Tiếng Việt

11.4. Học kỳ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
-----	-------------	--------------	------------	--------------------------	----------------------------	--------------------

1	ENS312	Tiếng Anh- Viết 3	3	Tiếng Anh- Viết 2	BB	Tiếng Anh
2	ENP710	Tiếng Anh- Nghe nâng cao	2	Tiếng Anh- Nghe 3	BB	Tiếng Anh
3	ENP709	Tiếng Anh- Nói nâng cao	2	Tiếng Anh- Nói 3	BB	Tiếng Anh
4	ENP708	Tiếng Anh- Đọc nâng cao	2	Tiếng Anh- Đọc 3	BB	Tiếng Anh
5	CNL307 / JPL302	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 2 Tiếng Nhật 2	3	Tiếng Trung Quốc 1 Tiếng Nhật 1	BB	Tiếng Trung quốc/ Tiếng Nhật
6	ENP713	Lý thuyết dịch	2	Tiếng Anh- Đọc 3	BB	Tiếng Việt
7	ELI303	Ngữ âm- Âm vị học	2	Phát âm Tiếng Anh- Nói 3	BB	Tiếng Việt
8	MLM307	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	Triết học Mác Lênin	BB	Tiếng Việt

11.5. Học kỳ 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Triết học Mác Lênin	BB	Tiếng Việt
2	ENP711	Tiếng Anh- Viết nâng cao	4	Tiếng Anh- Viết 3	BB	Tiếng Anh
3	ENP705	Hình thái- Cú pháp học	3	Ngữ âm- Âm vị	BB	Tiếng Anh
4	SOC312 / SOC313	Văn hóa Anh Văn hóa Mỹ	3	Tiếng Anh- Đọc 3 Tiếng Anh- Viết 3	BB	Tiếng Anh
5	CNL308 / JPL303	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 3 Tiếng Nhật 3	3	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 2 Tiếng Nhật 2	BB	Tiếng Trung quốc/ Tiếng Nhật
6	ENB320	Biên dịch thương mại Anh- Việt	3	Lý thuyết dịch	BB	Tiếng Anh

11.6. Học kỳ 6

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Triết học Mác – Lênin <i>Leninist Philosophy</i>	BB	Tiếng Việt
2	ENP714	Tiếng Anh kinh doanh 1	3	Tiếng Anh- Nghe 3 Tiếng Anh- Nói 3 Tiếng Anh- Đọc 3 Tiếng Anh- Viết 3	BB	Tiếng Anh
3	CNL309/ JPL304	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 4 Tiếng Nhật 4	3	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 3 Tiếng Nhật 3	BB	Tiếng Trung quốc/ Tiếng Nhật
4	ENB321	Biên dịch thương mại Việt- Anh	3	Biên dịch thương mại Anh-Việt	BB	Tiếng Anh
5	ELI305	Ngữ nghĩa học	2	Hình thái- Cú pháp học	BB	Tiếng Anh
6		Các học phần tự chọn cơ sở ngành	3		TC	Tiếng Anh

11.7. Học kỳ 7

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM309	Lịch sử Đảng CSVN	2	Triết học Mác – Lênin	BB	Tiếng Việt
2	SOC309	Dẫn luận văn học Anh- Mỹ	3	Văn hóa Anh/ Văn hóa Mỹ	BB	Tiếng Anh
3		Các học phần tự chọn ngành/ chuyên ngành	3		TC	Tiếng Anh

11.8. Học kỳ 8

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	INT307	Học phần Thực tập cuối khóa	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Anh
2	REP307	Học phần Khóa luận tốt nghiệp	9	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Anh
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp						
2.1	ENP716	Tiếng Anh kinh doanh 2	3	Tiếng Anh kinh doanh 1	BB	Tiếng Anh
2.2	ENB305	Phiên dịch thương mại	3	Biên dịch thương mại Anh-Việt	BB	Tiếng Anh
2.3	ENP715	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh	3	Tiếng Anh - Đọc 3 Tiếng Anh - Viết 3	BB	Tiếng Anh

12. Hướng dẫn thực hiện

12.1 Dạy và học trực tuyến: Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

12.2 Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: Trường hợp sinh viên không thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp, nhóm các học phần thay thế phải có tổng số tín chỉ là 9.

12.3 Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành) không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

12.4 Chuẩn tin học đầu ra: Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp hoặc các chứng chỉ tin học khác tương đương theo thông báo của Trường. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
29
★
Nguyễn Đức Trung